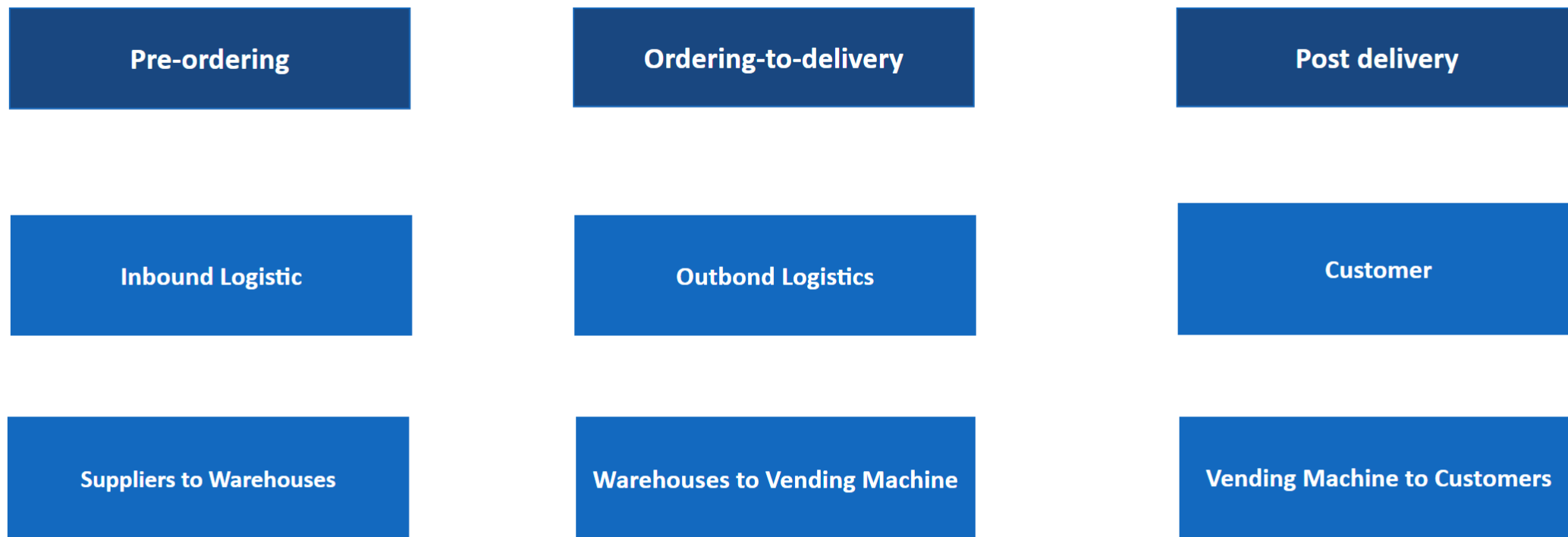


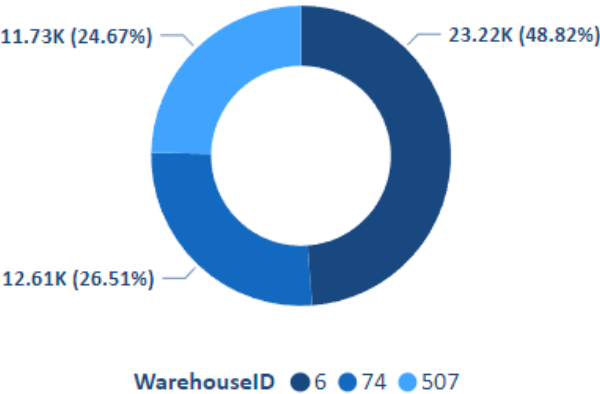
# Industrial Vending Machine: Supply Chain Performance

Author: Uyen Phuong Bui

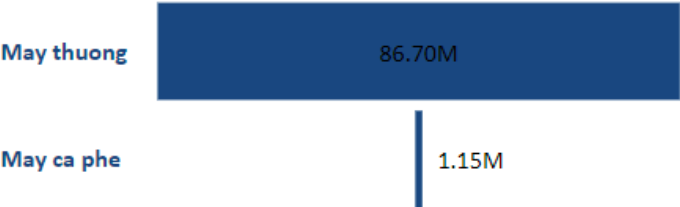


INDUSTRIAL VENDING  
MACHINE PROCESS

Transportation cost by WarehouseID



Machine cost by type

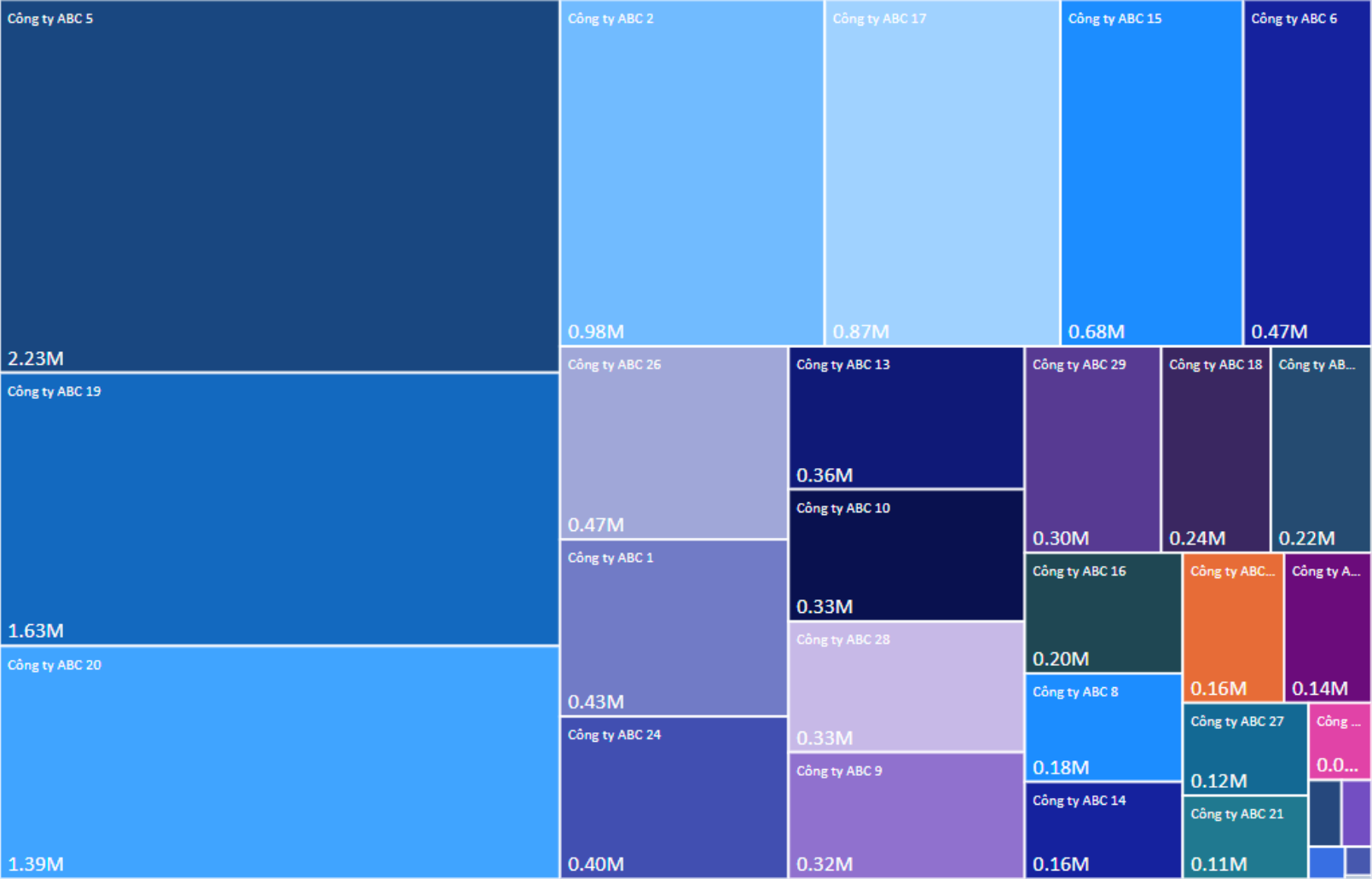


Total orders  
218

Total companies  
30

Total warehouses  
218

Orders cost by Suppliers





# SUPPLY CHAIN PERFORMANCE OVERVIEW



Filters

## Suppliers Name

- ☐ (Blank)
- ☐ Công ty ABC 1
- ☐ Công ty ABC 10
- ☐ Công ty ABC 11
- ☐ Công ty ABC 12
- ☐ Công ty ABC 13
- ☐ Công ty ABC 14
- ☐ Công ty ABC 15
- ☐ Công ty ABC 16
- ☐ Công ty ABC 17
- ☐ Công ty ABC 18
- ☐ Công ty ABC 19
- ☐ Công ty ABC 2
- ☐ Công ty ABC 20
- ☐ Công ty ABC 21
- ☐ Công ty ABC 22
- ☐ Công ty ABC 23
- ☐ Công ty ABC 24
- ☐ Công ty ABC 25
- ☐ Công ty ABC 26
- ☐ Công ty ABC 27
- ☐ Công ty ABC 28
- ☐ Công ty ABC 29
- ☐ Công ty ABC 3
- ☐ Công ty ABC 30

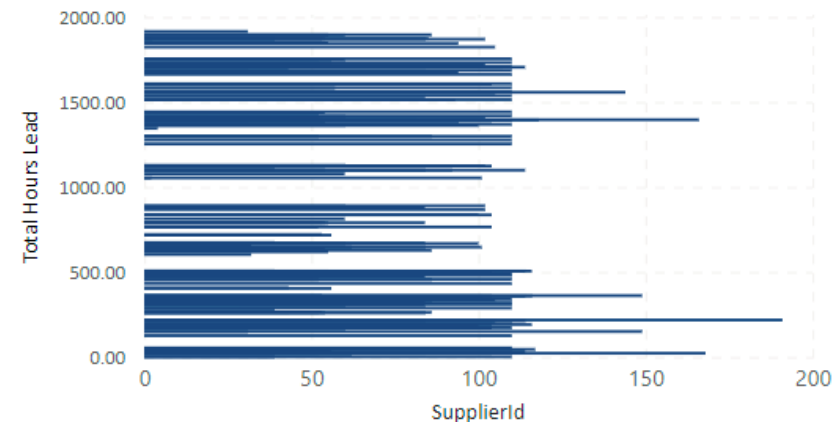
## Ordering-to-delivery cost by Time Import

Tên NCC	ReceivingDate	TimeImport	Lead Time	Total Hours Lea
Công ty ABC 8	5/16/2020 9:59:00 AM	5/16/2020 9:09:00 AM	12:00:00 AM	264.0
Công ty ABC 5	3/11/2020 2:51:00 PM	3/11/2020 2:16:00 PM	12:04:00 AM	1704.1
Công ty ABC 8	4/25/2020 2:38:00 PM	4/25/2020 9:09:00 AM	12:10:00 AM	720.2
Công ty ABC 11	5/26/2020 9:26:00 AM	5/28/2020 9:14:00 AM	12:14:00 AM	0.2
Công ty ABC 27	3/18/2020 11:43:00 AM	3/20/2020 9:43:00 AM	12:16:00 AM	1512.3
Công ty ABC 28	3/20/2020 11:37:00 AM	3/20/2020 9:44:00 AM	12:16:00 AM	1512.3
Công ty ABC 17	3/25/2020 10:55:00 AM	3/25/2020 2:46:00 PM	12:17:00 AM	1392.3
Công ty ABC 10	3/11/2020 3:35:00 PM	3/11/2020 2:02:00 PM	12:18:00 AM	1704.3
		3/4/2020 8:42:00 AM	12:22:00 AM	1872.4
Công ty ABC 4	5/8/2020 9:15:00 AM	5/8/2020 9:22:00 AM	12:23:00 AM	432.4

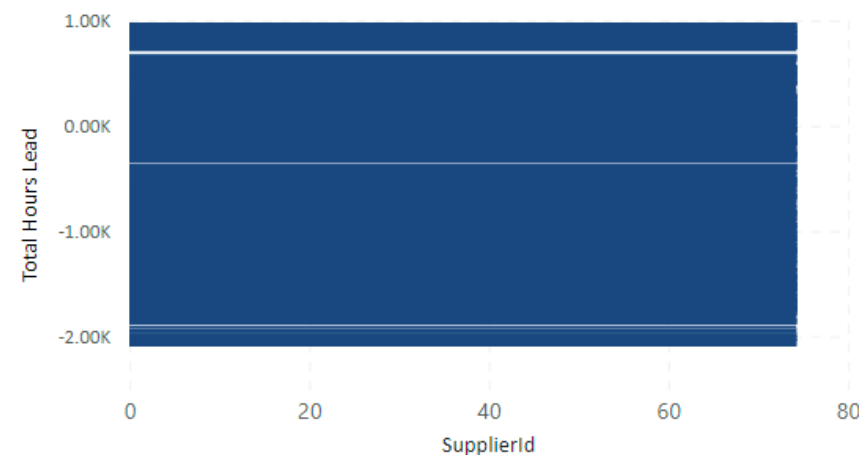
## Post delivery cost by Time Import

TimeCreate	DateCreate	Post-delivery Lead Time	Total Hours Lead
3/1/2020 7:12:00 AM	4/10/2020 2:42:54 PM	2/9/1900 7:30:54 AM	967.50
3/1/2020 7:14:00 AM	4/10/2020 2:39:06 PM	2/9/1900 7:25:06 AM	967.40
3/1/2020 7:15:00 AM	4/10/2020 2:38:02 PM	2/9/1900 7:23:02 AM	967.40
3/1/2020 7:58:00 AM	4/10/2020 2:37:02 PM	2/9/1900 6:39:02 AM	966.70
3/1/2020 8:08:00 AM	4/10/2020 2:13:52 PM	2/9/1900 6:05:52 AM	966.10
3/1/2020 9:05:00 AM	4/10/2020 2:12:53 PM	2/9/1900 5:07:53 AM	965.10
3/1/2020 9:07:00 AM	4/10/2020 2:11:49 PM	2/9/1900 5:04:49 AM	965.10
3/1/2020 9:11:00 AM	4/10/2020 2:10:24 PM	2/9/1900 4:59:24 AM	965.00
3/1/2020 9:16:00 AM	4/10/2020 1:20:44 PM	2/9/1900 4:04:44 AM	964.10
3/1/2020 9:18:00 AM	4/10/2020 1:15:38 PM	2/9/1900 3:57:38 AM	964.00
Total			-535.50

## Suppliers to Warehouses: Total Hours Lead by SupplierId



## Vending Machine Storage: Total Hours Lead by SupplierId





# SUPPLY CHAIN PERFORMANCE OVERVIEW

Filters

## Suppliers Name

- ☐ (Blank)
- ☐ Công ty ABC 1
- ☐ Công ty ABC 10
- ☐ Công ty ABC 11
- ☐ Công ty ABC 12
- ☐ Công ty ABC 13
- ☐ Công ty ABC 14
- ☐ Công ty ABC 15
- ☐ Công ty ABC 16
- ☐ Công ty ABC 17
- ☐ Công ty ABC 18
- ☐ Công ty ABC 19
- ☐ Công ty ABC 2
- ☐ Công ty ABC 20
- ☐ Công ty ABC 21
- ☐ Công ty ABC 22
- ☐ Công ty ABC 23
- ☐ Công ty ABC 24
- ☐ Công ty ABC 25
- ☐ Công ty ABC 26
- ☐ Công ty ABC 27
- ☐ Công ty ABC 28
- ☐ Công ty ABC 29
- ☐ Công ty ABC 3
- ☐ Công ty ABC 30

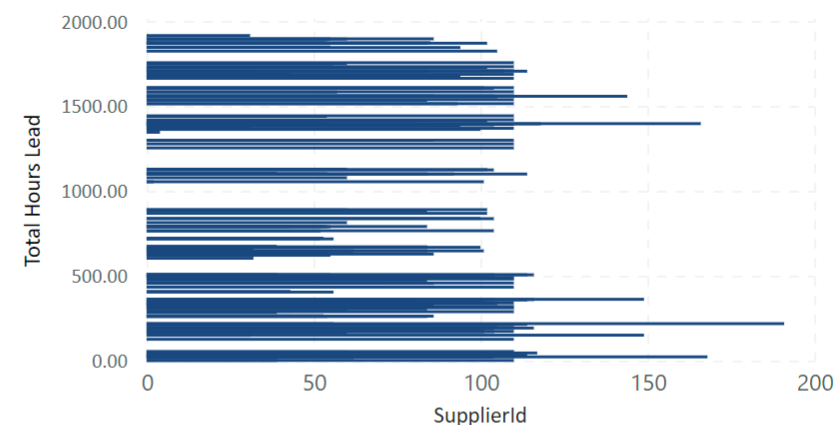
## Ordering-to-delivery cost by Time Import

Tên NCC	ReceivingDate	TimeImport	Lead Time	Total Hours Lea
Công ty ABC 8	5/16/2020 9:59:00 AM	5/16/2020 9:09:00 AM	12:00:00 AM	264.0
Công ty ABC 5	3/11/2020 2:51:00 PM	3/11/2020 2:16:00 PM	12:04:00 AM	1704.1
Công ty ABC 8	4/25/2020 2:38:00 PM	4/25/2020 9:09:00 AM	12:10:00 AM	720.2
Công ty ABC 11	5/26/2020 9:26:00 AM	5/28/2020 9:14:00 AM	12:14:00 AM	0.2
Công ty ABC 27	3/18/2020 11:43:00 AM	3/20/2020 9:43:00 AM	12:16:00 AM	1512.3
Công ty ABC 28	3/20/2020 11:37:00 AM	3/20/2020 9:44:00 AM	12:16:00 AM	1512.3
Công ty ABC 17	3/25/2020 10:55:00 AM	3/25/2020 2:46:00 PM	12:17:00 AM	1392.3
Công ty ABC 10	3/11/2020 3:35:00 PM	3/11/2020 2:02:00 PM	12:18:00 AM	1704.3
		3/4/2020 8:42:00 AM	12:22:00 AM	1872.4
Công ty ABC 4	5/8/2020 9:15:00 AM	5/8/2020 9:22:00 AM	12:23:00 AM	432.4
Công ty ABC 7	4/29/2020 12:54:00 PM	5/4/2020 12:55:00 PM	12:25:00 AM	504.4

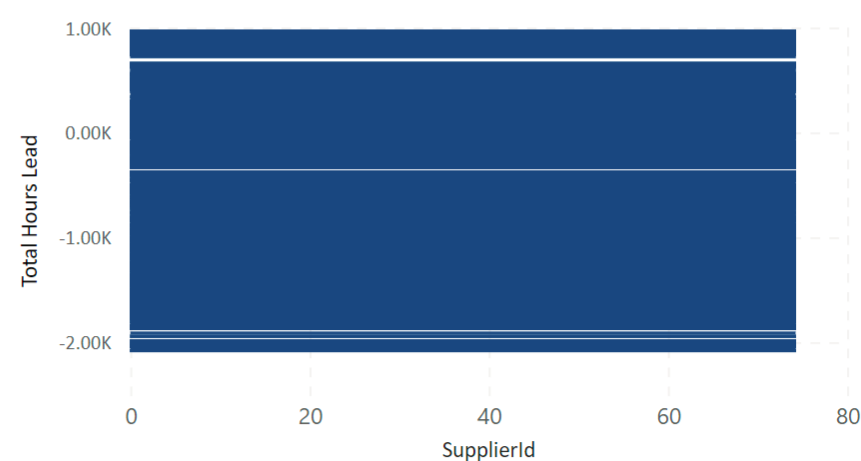
## Post delivery cost by Time Import

TimeCreate	DateCreate	Post-delivery Lead Time	Total Hours Lead
3/1/2020 7:12:00 AM	4/10/2020 2:42:54 PM	2/9/1900 7:30:54 AM	967.50
3/1/2020 7:14:00 AM	4/10/2020 2:39:06 PM	2/9/1900 7:25:06 AM	967.40
3/1/2020 7:15:00 AM	4/10/2020 2:38:02 PM	2/9/1900 7:23:02 AM	967.40
3/1/2020 7:58:00 AM	4/10/2020 2:37:02 PM	2/9/1900 6:39:02 AM	966.70
3/1/2020 8:08:00 AM	4/10/2020 2:13:52 PM	2/9/1900 6:05:52 AM	966.10
3/1/2020 9:05:00 AM	4/10/2020 2:12:53 PM	2/9/1900 5:07:53 AM	965.10
3/1/2020 9:07:00 AM	4/10/2020 2:11:49 PM	2/9/1900 5:04:49 AM	965.10
3/1/2020 9:11:00 AM	4/10/2020 2:10:24 PM	2/9/1900 4:59:24 AM	965.00
3/1/2020 9:16:00 AM	4/10/2020 1:20:44 PM	2/9/1900 4:04:44 AM	964.10
3/1/2020 9:18:00 AM	4/10/2020 1:15:38 PM	2/9/1900 3:57:38 AM	964.00
Total			-535.50

## Suppliers to Warehouses: Total Hours Lead by SupplierId



## Vending Machine Storage: Total Hours Lead by SupplierId



SUPPLY CHAIN PERFORMANCE COST OVERVIEW

Pre-ordering transportation cost by month

Tên NCC	March	April	May	June	Total
Công ty ABC 5	1,483,634.40	2,967,314.40	2,228,576.75		2,227,542.64
Công ty ABC 19	1,631,750.00		1,631,750.00		1,631,750.00
Công ty ABC 20	1,624,669.30	228,724.20	1,739,031.40		1,391,225.12
Công ty ABC 2	946,431.54	745,196.06	1,164,267.22		978,848.57
Công ty ABC 17	868,000.00	1,295,000.00	590,053.33		870,880.00
Công ty ABC 15	742,896.00	516,384.00	753,040.00		675,915.00
Công ty ABC 6		537,600.00	452,800.00		474,000.00
Công ty ABC 26	470,000.00				470,000.00
Công ty ABC 1	421,951.00	648,298.84	26,967.00		431,569.61
Total	348,928.49	427,268.89	440,752.44	22,800.00	403,011.93

Ordering-to-delivery cost by month

Tên NCC	March	April	May	Total
Công ty ABC 1	22,915.22	36,913.79	9,438.20	25,335.24
Công ty ABC 10	13,856.66	20,071.90	12,028.36	13,969.02
Công ty ABC 11	9,233.00	12,310.67	9,233.00	10,258.89
Công ty ABC 12	1.14	1.14	1.14	1.14
Công ty ABC 13	8,404.00	15,936.00	8,113.33	10,817.78
Công ty ABC 14	3,273.00	3,273.00	5,455.00	4,364.00
Công ty ABC 15	30,954.00	18,836.00	21,275.00	23,537.50
Công ty ABC 16	13,774.85	2,689.39	2,689.39	6,846.44
Công ty ABC 17	7,280.00	10,150.00	11,620.00	9,960.00
Công ty ABC 18	6,363.63		7,318.18	6,848.00
Total	29,882.31	15,038.07	20,766.82	23,123.46

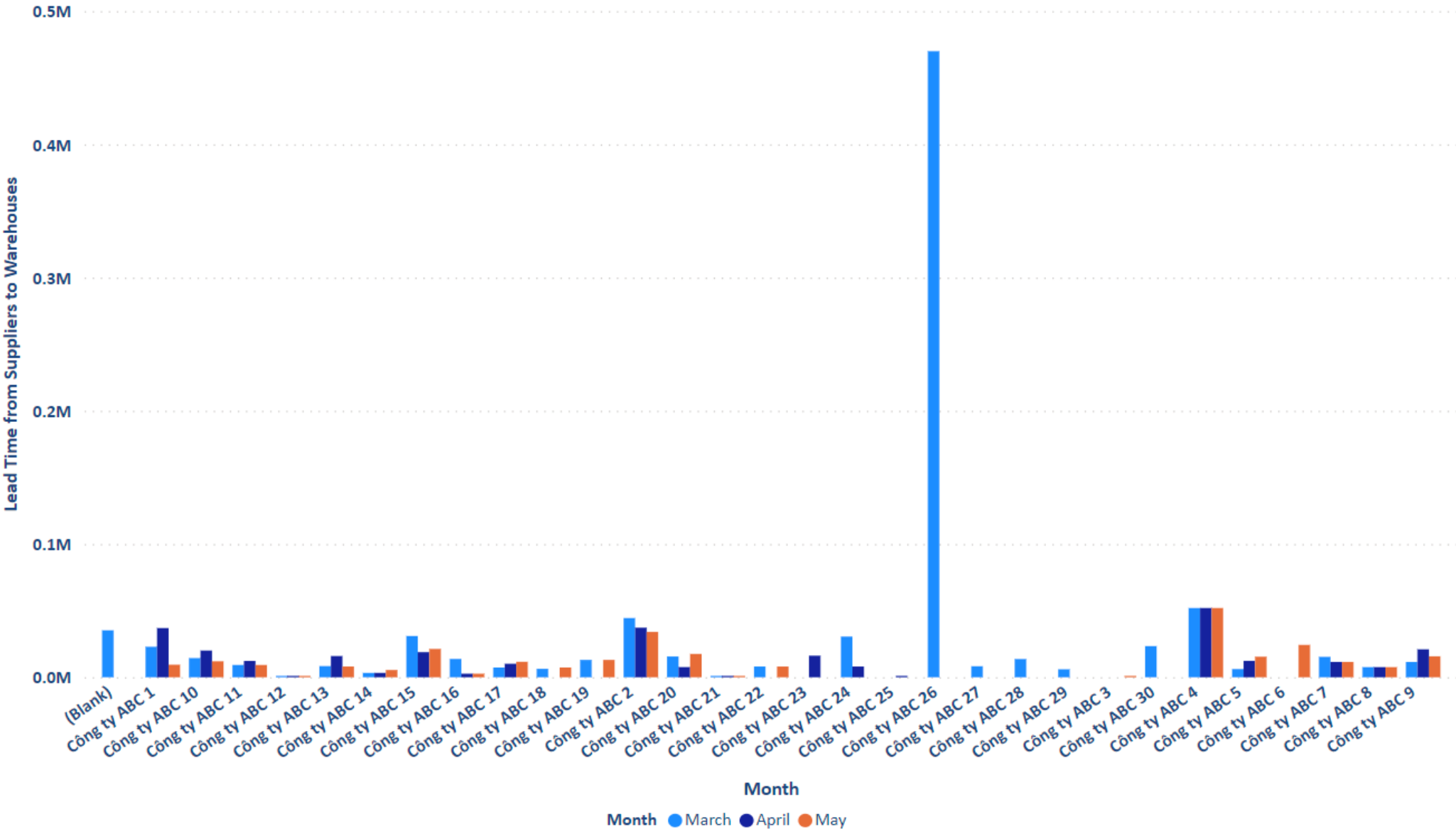
Mã Phiếu nhập Kho	Code	TimeCreate	ReceivingDate	Kho nhập	Tên NCC	TimeImport	Suppliers-to-Warehouses C
	N.VietBISQ02.026.200302.0001			KHO QUẬN 03	Công ty ABC 10	3/2/2020 2:43:00 PM	25,862
	N.VietBISQ02.026.200302.0002			KHO QUẬN 03	Công ty ABC 10	3/2/2020 2:46:00 PM	204
	N.VietBISQ02.043.200302.0001			KHO QUẬN 03	Công ty ABC 28	3/2/2020 12:29:00 PM	36,632
	N.VietBISQ02.094.200302.0001			KHO QUẬN 03	Công ty ABC 21	3/2/2020 6:06:00 PM	160
	N.VietBISQ02.096.200303.0001			KHO QUẬN 03	Công ty ABC 24	3/3/2020 10:51:00 AM	51,249
	N.VietBISQ02.096.200324.0001			KHO QUẬN 03	Công ty ABC 24	3/24/2020 4:32:00 PM	37,348
	N.VietBISQ02.098.200304.0001			KHO QUẬN 03	Công ty ABC 7	3/4/2020 12:12:00 PM	11,500
	N.VietBISQ02.104.200302.0001			KHO QUẬN 03	Công ty ABC 4	3/2/2020 9:04:00 AM	52,000
	N.VietBISQ02.104.200303.0001			KHO QUẬN 03	Công ty ABC 4	3/3/2020 8:56:00 AM	52,000
	N.VietBISQ02.104.200304.0001			KHO QUẬN 03	Công ty ABC 4	3/4/2020 8:42:00 AM	52,000
	N.VietBISQ02.104.200305.0001			KHO QUẬN 03	Công ty ABC 4	3/5/2020 8:45:00 AM	52,000
	N.VietBISQ02.104.200306.0001			KHO QUẬN 03	Công ty ABC 4	3/6/2020 8:59:00 AM	52,000
N.VietBISASC 049 200305 0001	N.VietBISASC 049 200305 0001	3/5/2020 12:00:00 AM	3/5/2020 11:46:00 AM	KHO ASCENT	Công ty ABC 13	3/5/2020 11:47:00 AM	12,606
Total							5,318,395

# SUPPLY CHAIN PERFORMANCE

## Suppliers Name

- ☐ (Blank)
- ☐ Công ty ABC 1
- ☐ Công ty ABC 10
- ☐ Công ty ABC 11
- ☐ Công ty ABC 12
- ☐ Công ty ABC 13
- ☐ Công ty ABC 14
- ☐ Công ty ABC 15
- ☐ Công ty ABC 16
- ☐ Công ty ABC 17
- ☐ Công ty ABC 18
- ☐ Công ty ABC 19
- ☐ Công ty ABC 2
- ☐ Công ty ABC 20
- ☐ Công ty ABC 21
- ☐ Công ty ABC 22
- ☐ Công ty ABC 23
- ☐ Công ty ABC 24
- ☐ Công ty ABC 25
- ☐ Công ty ABC 26
- ☐ Công ty ABC 27
- ☐ Công ty ABC 28
- ☐ Công ty ABC 29
- ☐ Công ty ABC 30
- ☐ Công ty ABC 4
- ☐ Công ty ABC 5
- ☐ Công ty ABC 6

## Suppliers- to-Warehouses Performance by Cost



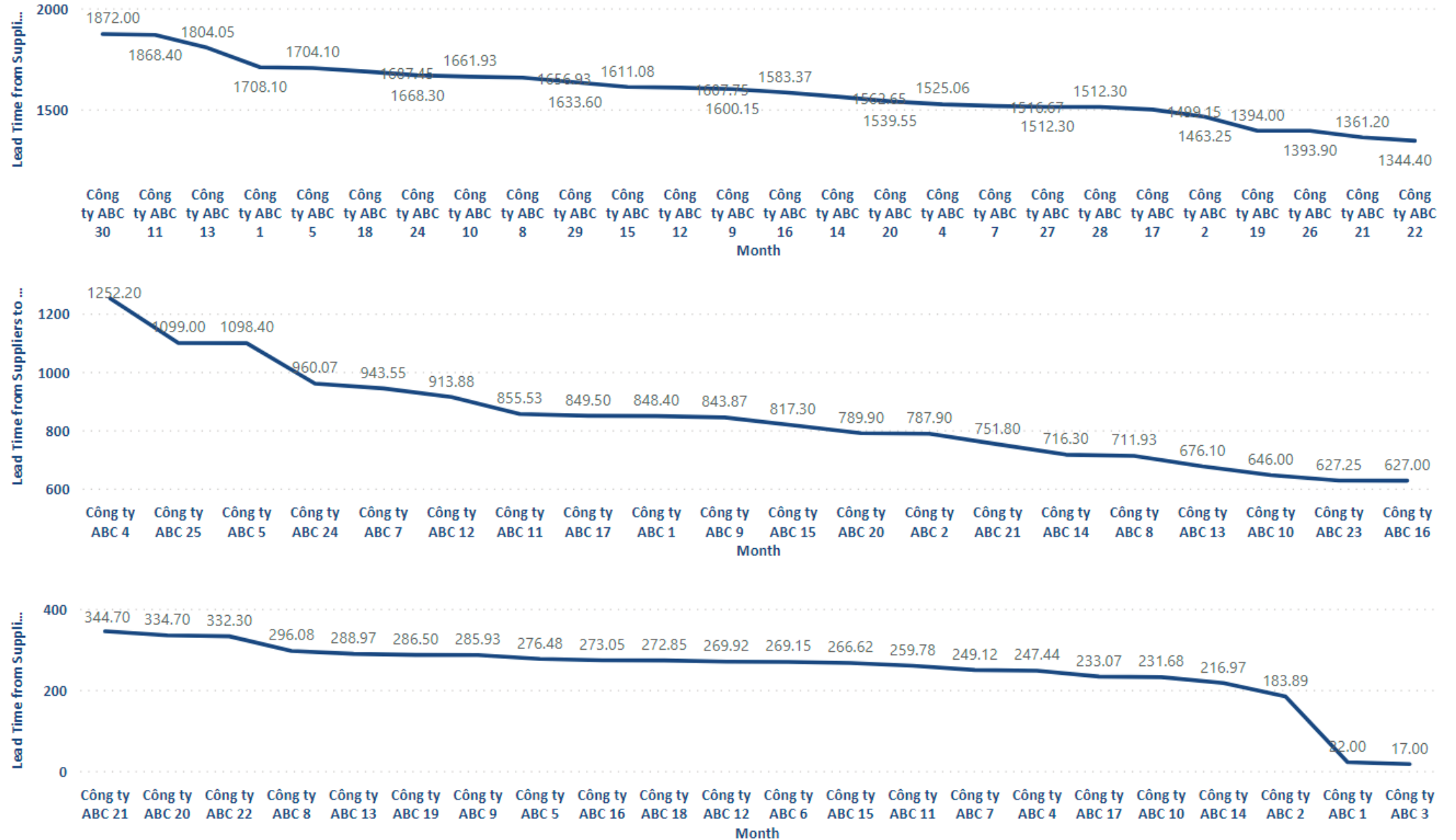


# SUPPLY CHAIN PERFORMANCE

## Suppliers-to-Warehouses Performance by Delivery Time

### Suppliers Name

- ☐ (Blank)
- ☐ Công ty ABC 1
- ☐ Công ty ABC 10
- ☐ Công ty ABC 11
- ☐ Công ty ABC 12
- ☐ Công ty ABC 13
- ☐ Công ty ABC 14
- ☐ Công ty ABC 15
- ☐ Công ty ABC 16
- ☐ Công ty ABC 17
- ☐ Công ty ABC 18
- ☐ Công ty ABC 19
- ☐ Công ty ABC 2
- ☐ Công ty ABC 20
- ☐ Công ty ABC 21
- ☐ Công ty ABC 22
- ☐ Công ty ABC 23
- ☐ Công ty ABC 24
- ☐ Công ty ABC 25
- ☐ Công ty ABC 26
- ☐ Công ty ABC 27
- ☐ Công ty ABC 28
- ☐ Công ty ABC 29
- ☐ Công ty ABC 3
- ☐ Công ty ABC 30

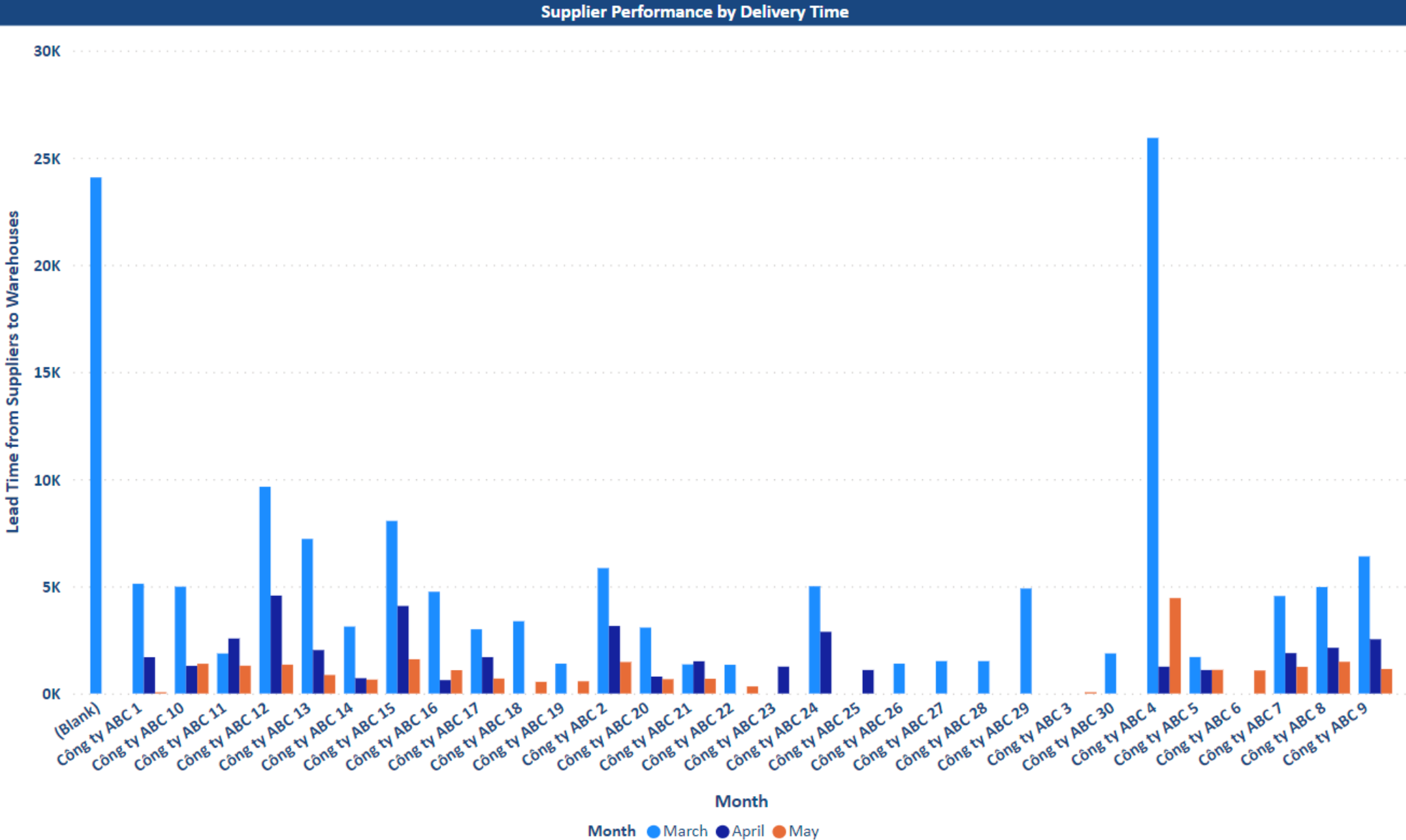




# SUPPLY CHAIN PERFORMANCE

## Suppliers Name

- ☐ (Blank)
- ☐ Công ty ABC 1
- ☐ Công ty ABC 10
- ☐ Công ty ABC 11
- ☐ Công ty ABC 12
- ☐ Công ty ABC 13
- ☐ Công ty ABC 14
- ☐ Công ty ABC 15
- ☐ Công ty ABC 16
- ☐ Công ty ABC 17
- ☐ Công ty ABC 18
- ☐ Công ty ABC 19
- ☐ Công ty ABC 2
- ☐ Công ty ABC 20
- ☐ Công ty ABC 21
- ☐ Công ty ABC 22
- ☐ Công ty ABC 23
- ☐ Công ty ABC 24
- ☐ Công ty ABC 25
- ☐ Công ty ABC 26
- ☐ Công ty ABC 27
- ☐ Công ty ABC 28
- ☐ Công ty ABC 29
- ☐ Công ty ABC 3
- ☐ Công ty ABC 30
- ☐ Công ty ABC 4
- ☐ Công ty ABC 5
- ☐ Công ty ABC 6

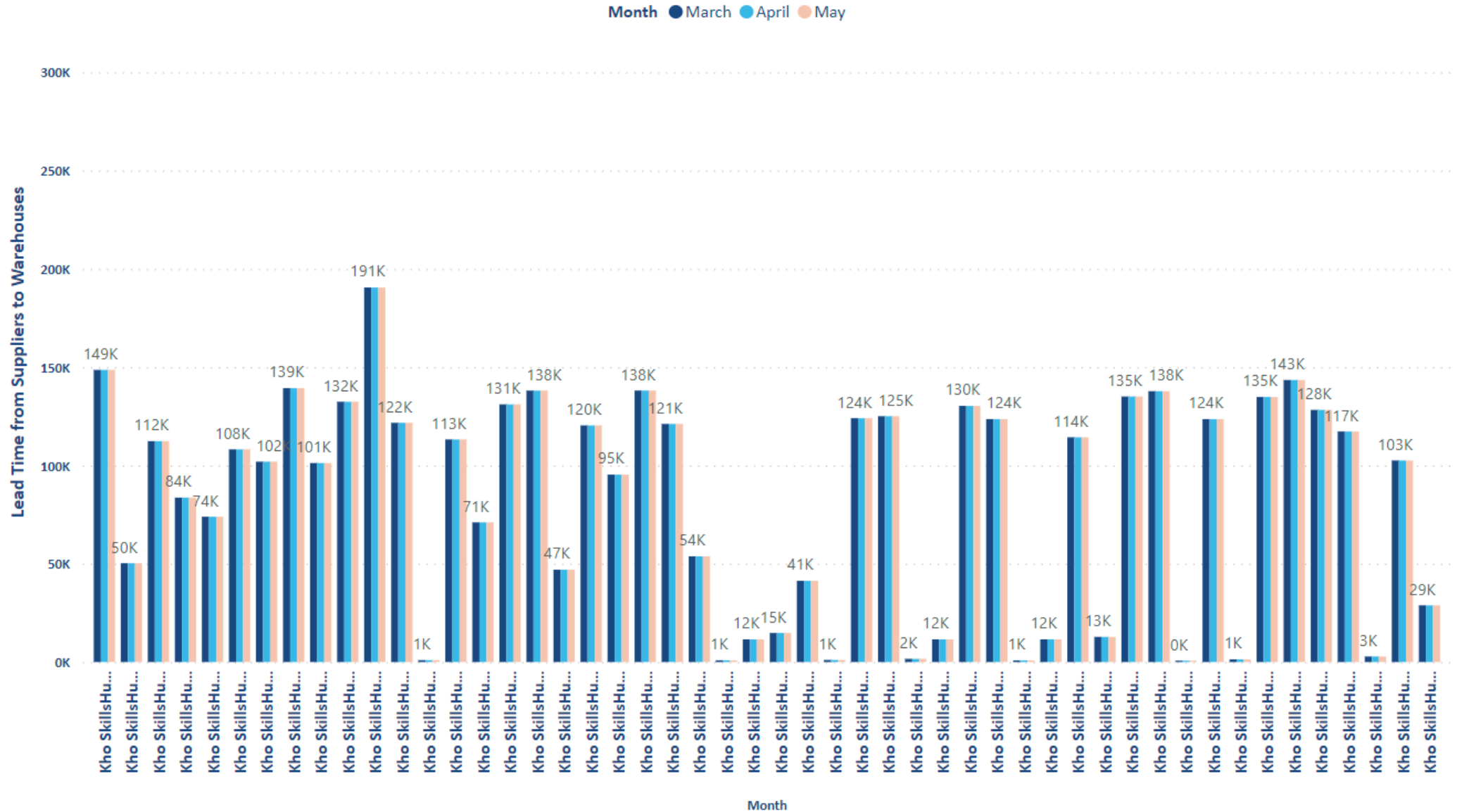


# SUPPLY CHAIN PERFORMANCE

## Suppliers Name

- ☐ Kho SkillsHub 1
- ☐ Kho SkillsHub 10
- ☐ Kho SkillsHub 100
- ☐ Kho SkillsHub 101
- ☐ Kho SkillsHub 102
- ☐ Kho SkillsHub 103
- ☐ Kho SkillsHub 104
- ☐ Kho SkillsHub 105
- ☐ Kho SkillsHub 106
- ☐ Kho SkillsHub 107
- ☐ Kho SkillsHub 108
- ☐ Kho SkillsHub 109
- ☐ Kho SkillsHub 11
- ☐ Kho SkillsHub 110
- ☐ Kho SkillsHub 111
- ☐ Kho SkillsHub 112
- ☐ Kho SkillsHub 113
- ☐ Kho SkillsHub 114
- ☐ Kho SkillsHub 115
- ☐ Kho SkillsHub 116
- ☐ Kho SkillsHub 117
- ☐ Kho SkillsHub 118
- ☐ Kho SkillsHub 119
- ☐ Kho SkillsHub 12
- ☐ Kho SkillsHub 120
- ☐ Kho SkillsHub 121
- ☐ Kho SkillsHub 122
- ☐ Kho SkillsHub 123

## Warehouses-to-Vending machines: Performance by Cost

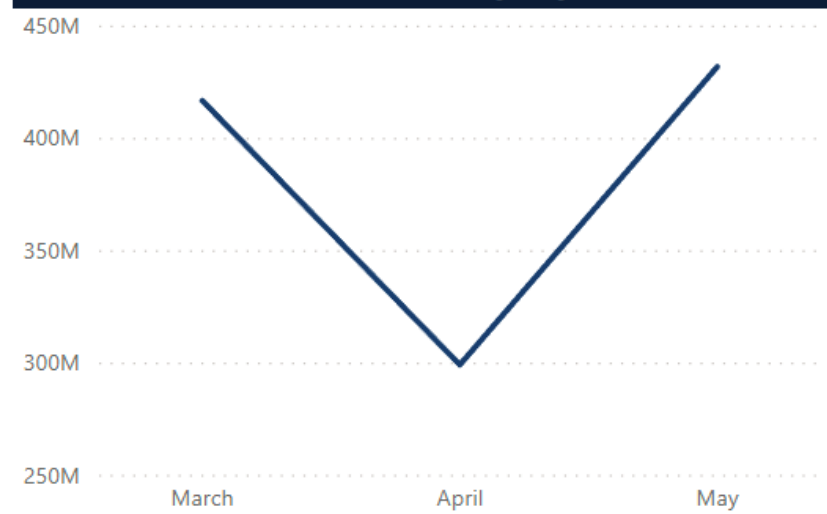


# **Industrial Vending Machine: Sales Performance**

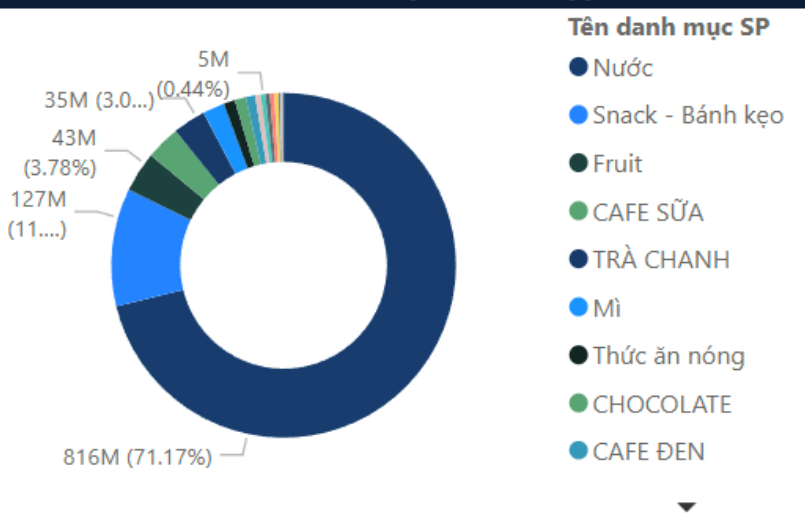
MACHINE PERFORMANCE OVERVIEW

Total Revenue	Total Quantity	Revenue/ Day	Transactions/ Day	Revenue/ Machine
1147M	115K	12.47M	0.11M	6.48M

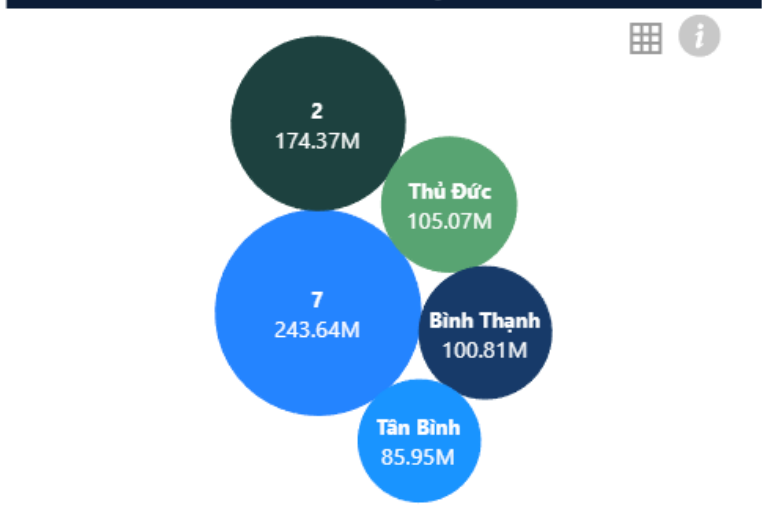
Total Revenue by Day



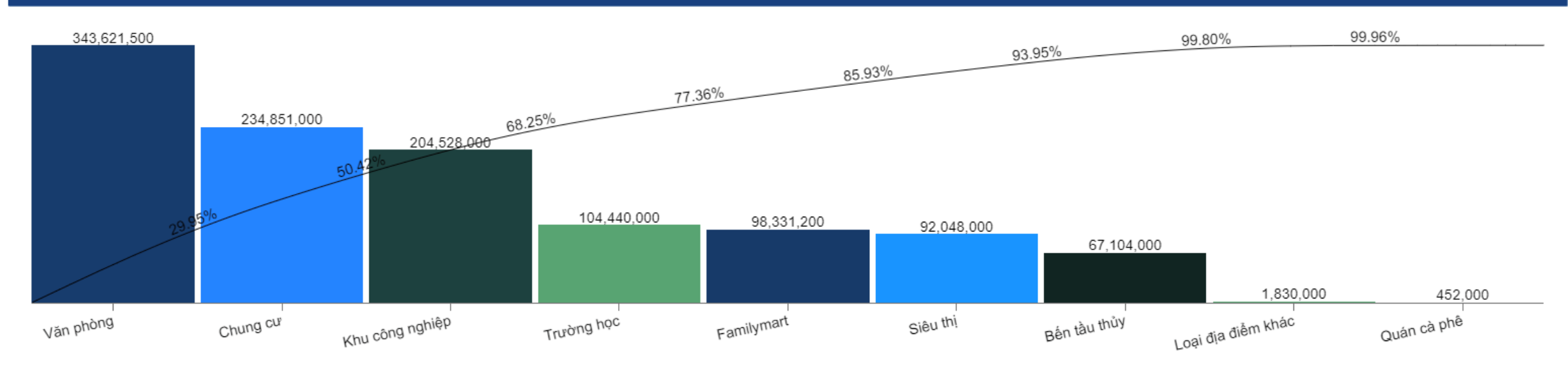
Total Revenue by Product Type



Total Revenue by District



Total Revenue by Location



What influences TotalPrice to

Increase

?

When...

....the average of TotalPrice increases by

Dòng máy is TKVM824

22.9K

Tên danh mục SP is Thức ăn nóng

22.9K

Tên máy is TRM2-QH-00-824H23S180002

22.75K

Tên danh mục SP is Bia

7.39K

Tên danh mục SP is Fruit

5.16K

Dòng máy is TTVMMYZ

5.16K

Tên danh mục SP is CAFE SỮA

3.5K

Tên danh mục SP is CHOCOLATE

3.47K

Tên Đường is Nguyễn Đình

1.4K

What influences TotalPrice to

Decrease

?

When...

....the average of TotalPrice decreases by

Dòng máy is TTVM720

2.52K

Dòng máy is TTVM60G

1.61K

Tên Đường is Trường Chinh

1.35K

Tên máy is PHUCAN-TT-00-720B32S190033

1.29K

Tên Đường is Phan Kế Bính

1.27K

Tên danh mục SP is Snack - Bánh kẹo

1.25K

Tên danh mục SP is Nước

1.02K

Tên danh mục SP is Mì

1.02K

Tên danh mục SP is CAFE

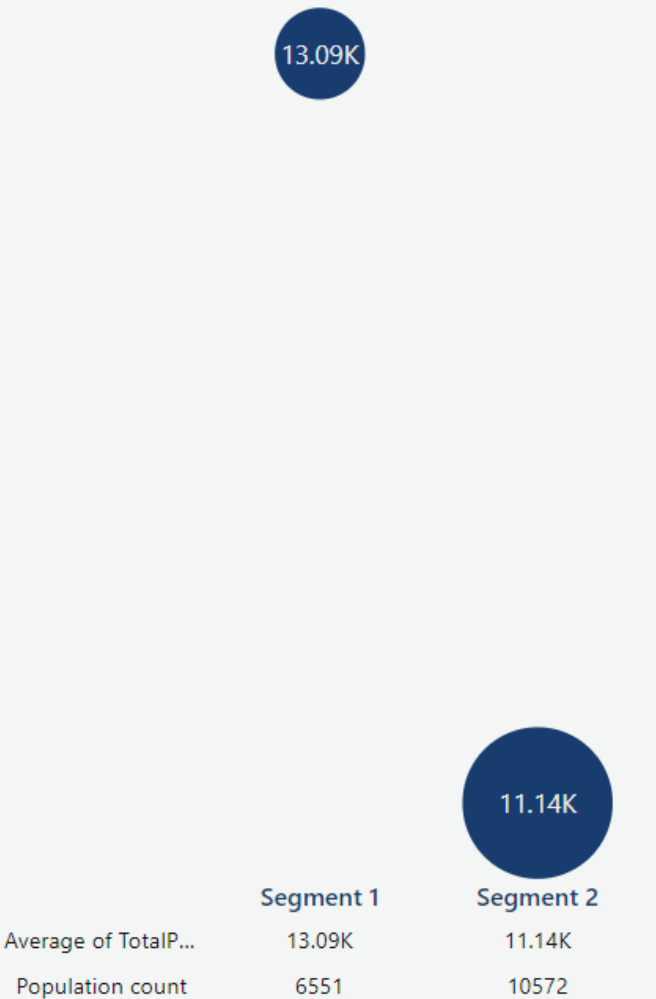
1K

When is TotalPrice more likely to be

High

?

We found 2 segments and ranked them by Ave...



# Revenue Decomposition Tree

Month

Apr

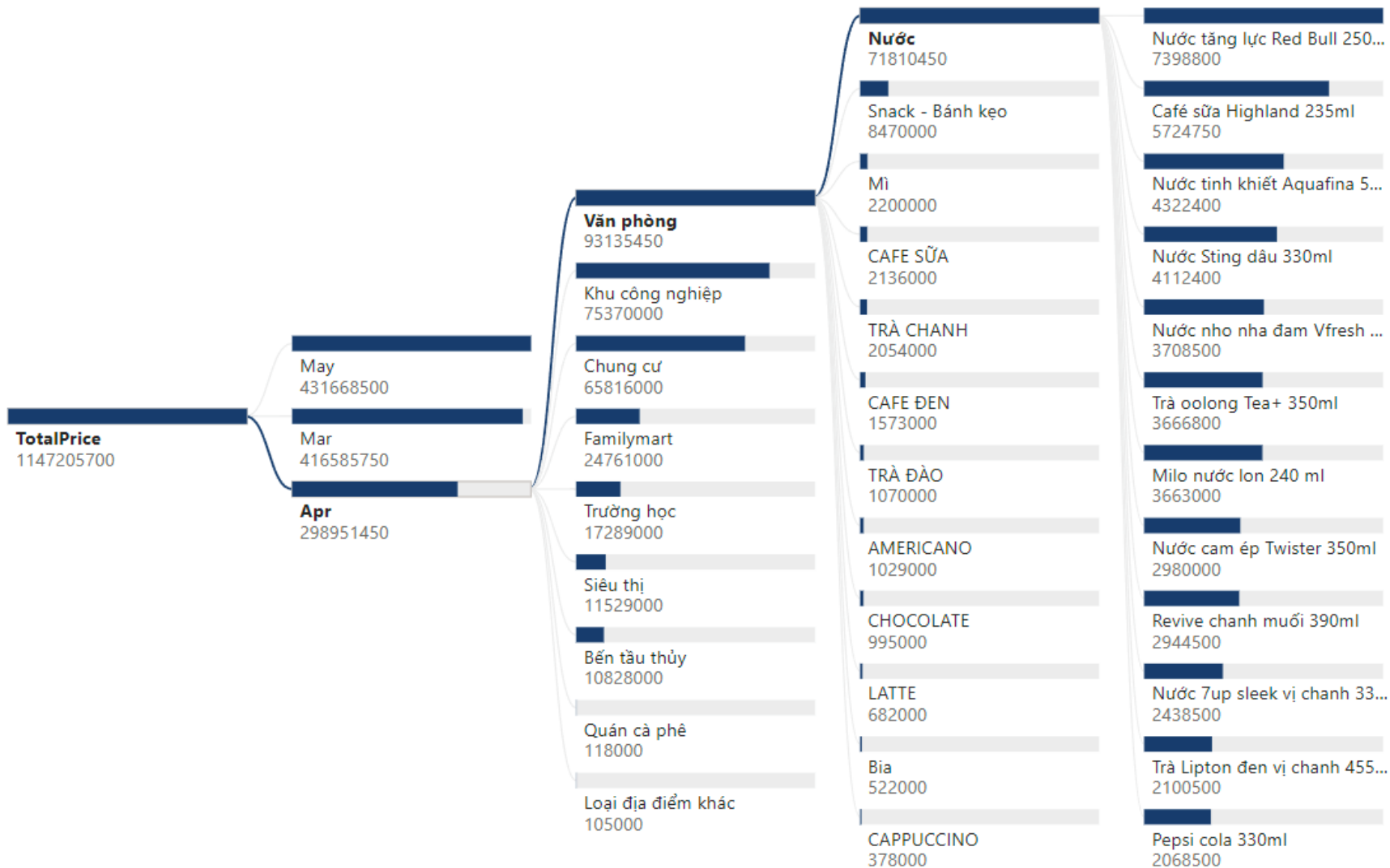
Loại địa điểm

Văn phòng

Tên danh mục SP

Nước

Tên sản phẩm



Tỉnh

All

Quận

All

Tên Đường

All

Payment Type

All

Tên dòng máy

All

Month

All

Mã máy

All

Filters



## PRODUCT ANALYSIS

Total Revenue

1147M

Total Quantity

115K

Revenue/ Day

12.47M

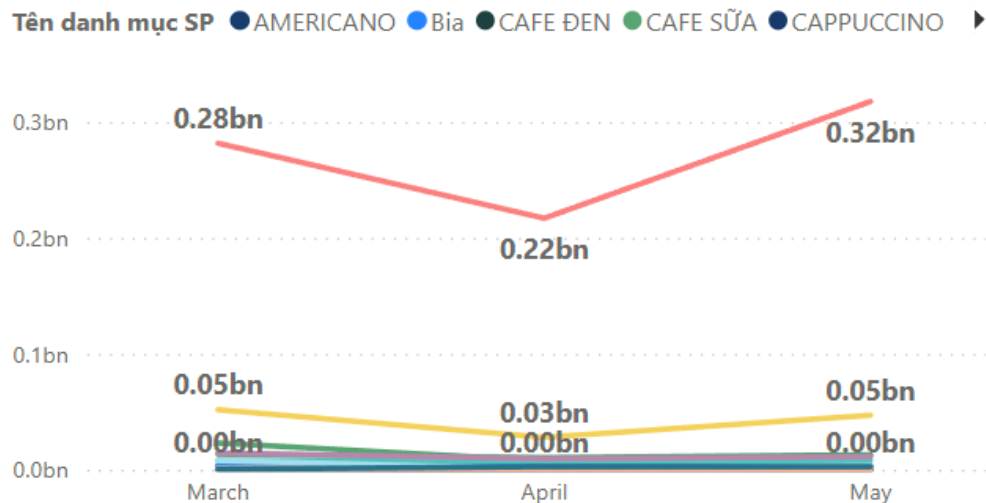
Transaction/ Day

115K

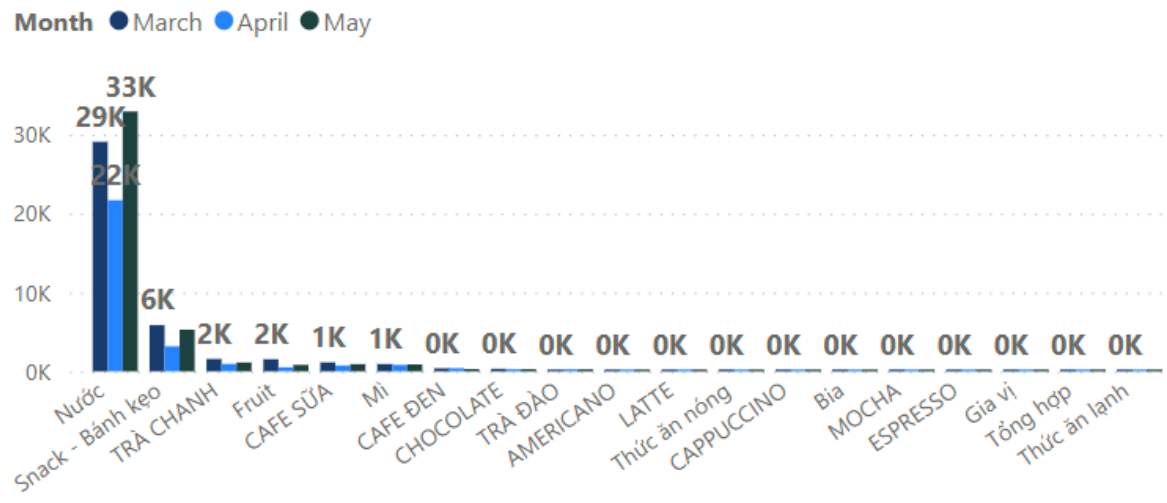
Revenue/ Machine

6.48M

### Revenue by Product Type overtime



### Quantity by Product Type



Tỉnh

All

Quận

All

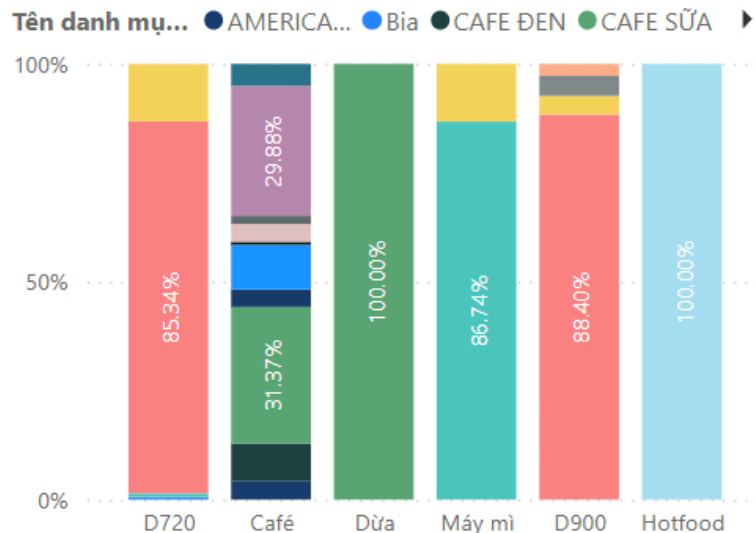
Tên Đường

All

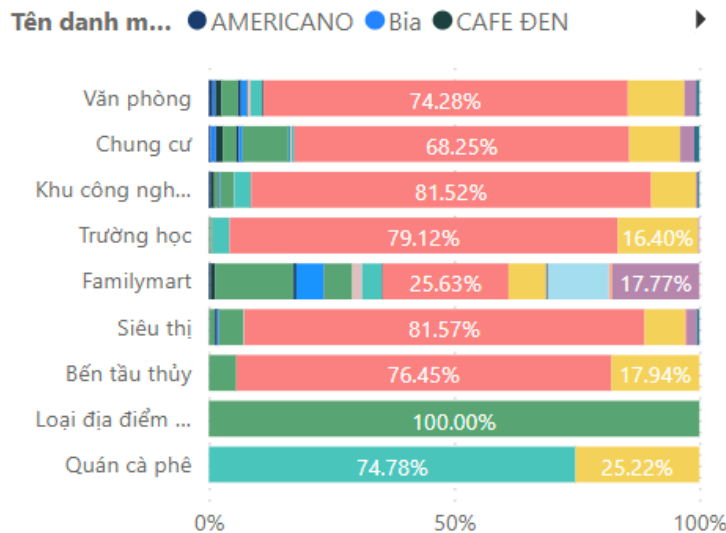
Payment

All

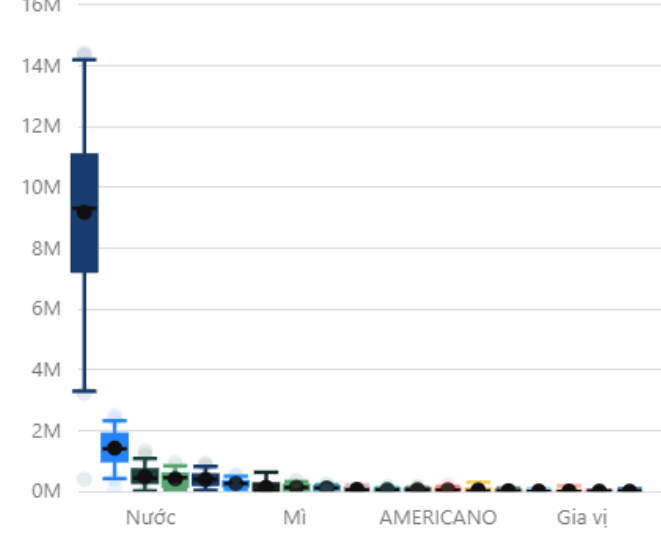
### Revenue by Machine & Product Type



### Revenue by Location & Product Type



### Revenue by Product Type overtime



Tên dòng ...

All

Month

All

Mã máy

All

## GEOGRAPHY ANALYSIS

Total Revenue  
**1147M**

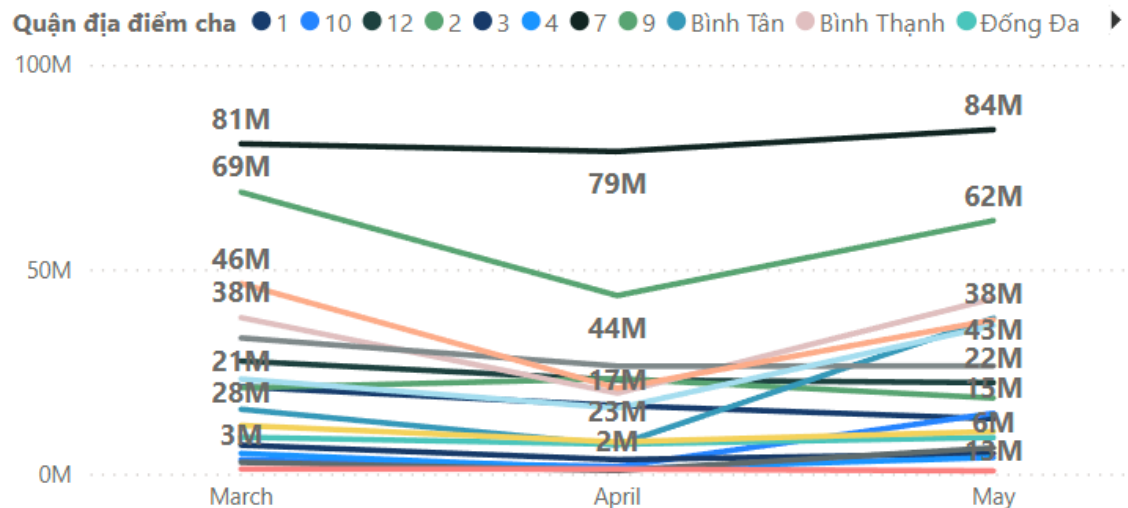
Total Quantity  
**115K**

Revenue/ Day  
**12.47M**

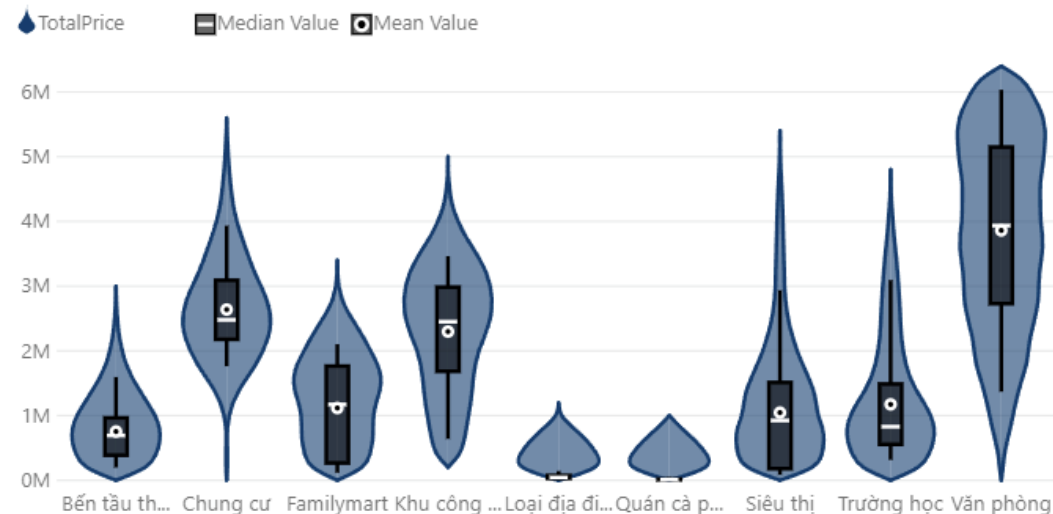
Transaction/ Day  
**115K**

Revenue/ Machine  
**6.48M**

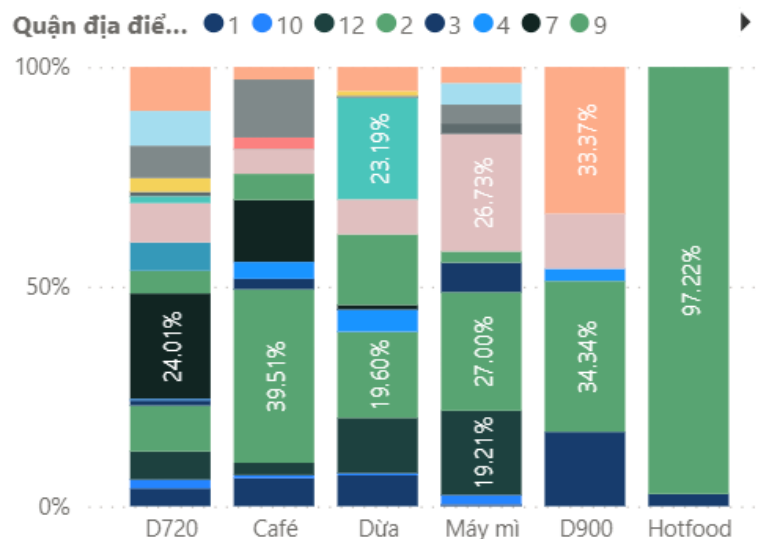
### Revenue by District overtime



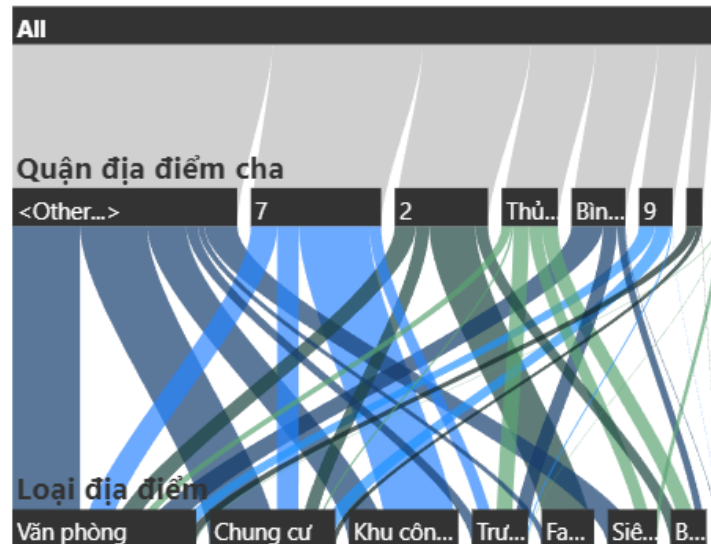
### Revenue by Location



### Revenue by Machine & Location



### Revenue by Location & Product Type



### Revenue by location



Tỉnh

All

Quận

All

Tên Đường

All

Payment

All

Tên dòng

All

Month

All

Mã máy

All

# MACHINE ANALYSIS

Total Revenue  
1147M

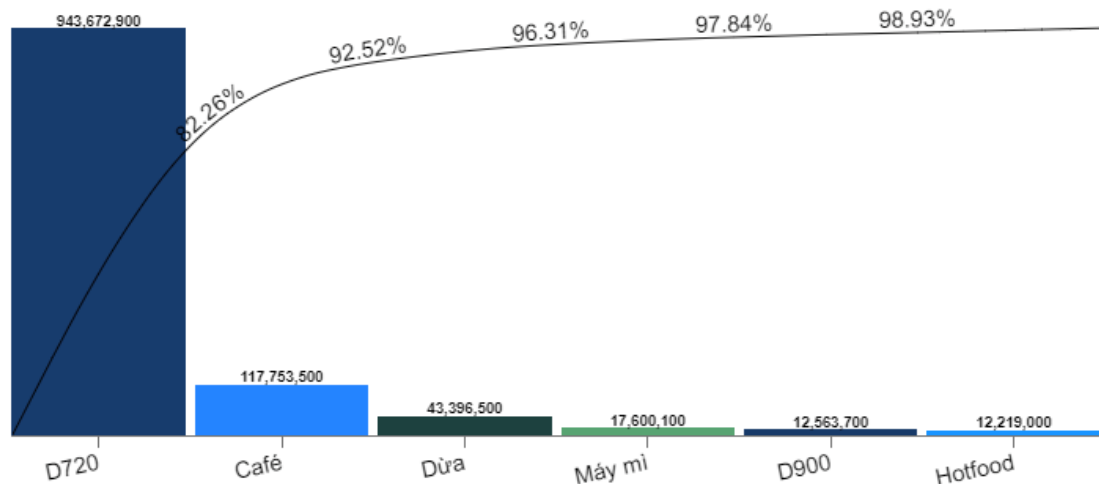
Total Quantity  
115K

Revenue/ Day  
12.47M

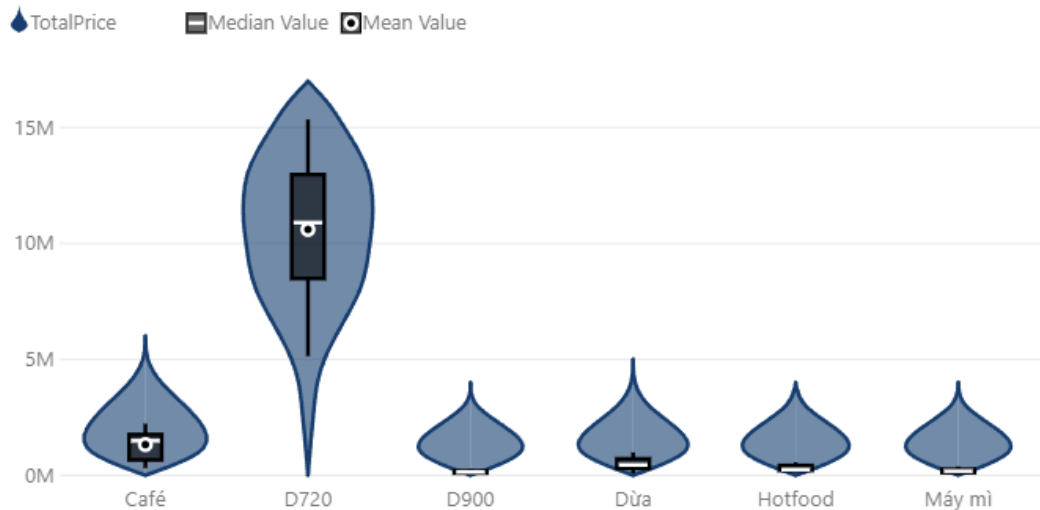
Transaction/ Day  
115K

Revenue/ Machine  
6.48M

## Revenue by Machine

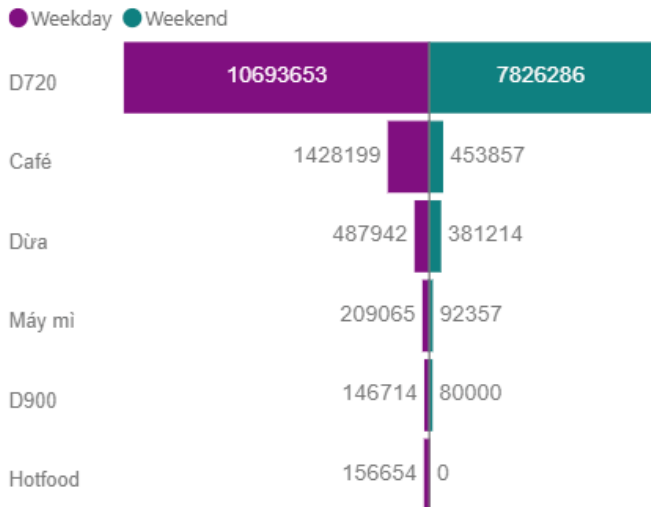


## Revenue by Machine

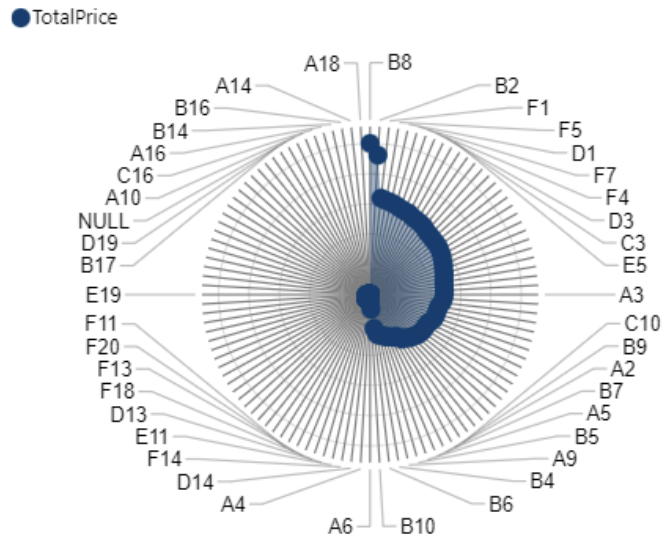


- Tỉnh  
All
- Quận  
All
- Tên Đườ...  
All
- Payment ...  
All

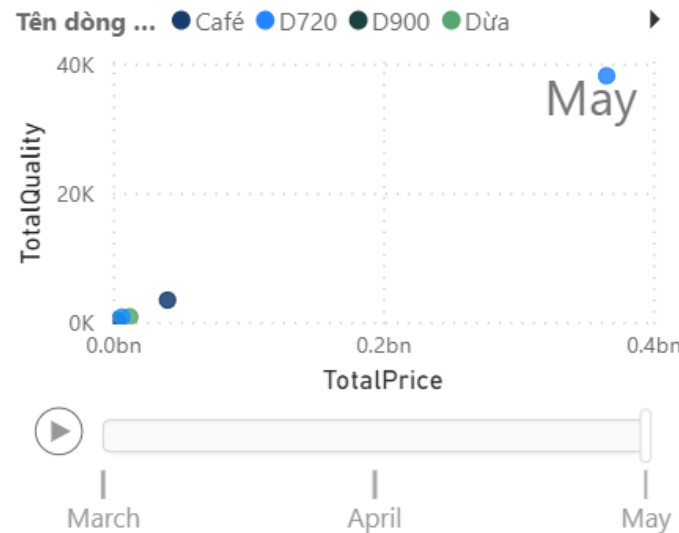
## Revenue by Machine



## Revenue by Location & Product Type



## Revenue by location



- Tên dòng ...  
All
- Month  
All
- Mã máy  
All